

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC  
**KHOA: KHOA HỌC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về nhóm biên soạn đề cương / giảng viên**

\* Giảng viên 1

Họ và tên: PGS.TS Hoàng Thị Mai

Học hàm, học vị: Phó Giáo sư. Tiến sĩ

Chuyên ngành: LL&PPDH BM Văn – Tiếng Việt

Địa điểm làm việc: khoa Khoa học xã hội, Nhà A5, CS chính, Trường ĐH Hồng Đức

*Nhà riêng:* TP. Thanh Hóa

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng khoa KHXH, Trường ĐH Hồng Đức

Mobile: 0984. 417. 120 Email: Hoangthimai@hdu.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học, Phát triển năng lực trong dạy học Ngữ văn, kiểm tra đánh giá trong dạy học Ngữ văn,...

\* Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Phương

- Học hàm, học vị: PGS.TS

- Thời gian làm việc: Các ngày trong tuần (từ 8h00 đến 11h00)

- Địa điểm làm việc: BM Ngôn ngữ học, khoa Khoa học xã hội, trường ĐH Hồng Đức

khoa Khoa học xã hội, Nhà A5, CS chính, Trường ĐH Hồng Đức

*Nhà riêng:* TP. Thanh Hóa

- Điện thoại: 0949 133 948

- Email: [Lethiphuong@hdu.edu.vn](mailto:Lethiphuong@hdu.edu.vn)

- Các hướng nghiên cứu chính:

- Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học, Phát triển năng lực trong dạy học Ngữ văn, kiểm tra đánh giá trong dạy học Ngữ văn,...

## **2. Thông tin chung về học phần**

- Tên môn học: Học hợp tác và việc tổ chức cho học sinh học hợp tác trong dạy học Văn

- Mã môn học: 1PV222

- Môn học: + Bắt buộc:

+ Lựa chọn: X

- Số tín chỉ: 02

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

+ Lý thuyết, bài tập: 18

+ Kiểm tra thường xuyên: 2

+ Thực hành: 12

+ Kiểm tra giữa kỳ (tiểu luận): 2

+ Thảo luận: 12

+ Kiểm tra cuối kỳ:

+ Tự học: 90

- Địa chỉ các khoa/bộ môn phụ trách môn học: khoa Khoa học xã hội, Nhà A6, CS chính, Trường ĐH Hồng Đức

## **3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần**

*Kiến thức:* Các vấn đề thời sự, khái quát về bản chất, ý nghĩa, tác dụng của văn học trong nhà trường và những vấn đề cần tập trung giáo dục HS thông qua văn học nhà trường.

*Kỹ năng:*

- Có năng lực phát triển lí thuyết về mối quan hệ giữa văn học và nhà trường, văn học và giáo dục;

- Có năng lực phát hiện, đề xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu về khả năng giáo dục HS thông qua văn học.

- Có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn liên quan đến lí thuyết về mối quan hệ giữa văn học và nhà trường, văn học và giáo dục;

- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lí những vấn đề thuộc chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Văn – Tiếng Việt cũng như trong thực tiễn dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.

*Thái độ:* Giúp HV hiểu những kiến thức cơ bản về vai trò, bản chất của dạy học hợp tác, quy trình và cách thức tổ chức dạy học hợp tác; nghiên cứu cụ thể hoá lí luận học hợp tác vào lĩnh vực dạy học Văn.

#### **4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)**

Học phần nghiên cứu vai trò, bản chất của dạy học hợp tác, quy trình và cách thức tổ chức dạy học hợp tác; nghiên cứu cụ thể hoá lí luận học hợp tác vào lĩnh vực dạy học Văn bao gồm: Ý nghĩa của học hợp tác trong dạy học Văn; đặc điểm yêu cầu của hình thức hợp tác trong dạy học Văn; các nguyên tắc, biện pháp, cách thức, hình thức, quy trình tổ chức cho học sinh học hợp tác trong dạy học Văn. Đồng thời, môn học cũng mở rộng, đi sâu vào hình thức dạy học nêu và giải quyết vấn đề - hình thức dạy học có quan hệ hữu cơ với dạy học hợp tác.

#### **5. Nội dung chi tiết học phần**

##### **5.1. Nội dung cốt lõi**

- Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp;
- Giao tiếp bằng ngôn ngữ;
- Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt;
- Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

##### **5.2. Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp**

- 1.1. Khái quát về ngôn ngữ
  - 1.1.1. Khái niệm ngôn ngữ
  - 1.1.2. Tính hệ thống của ngôn ngữ
  - 1.1.3. Đặc điểm ngôn ngữ tiếng Việt
- 1.2. Khái quát về văn hóa
  - 1.2.1. Khái niệm văn hóa
  - 1.2.2. Tính hệ thống của văn hóa
  - 1.2.3. Đặc trưng văn hóa cơ bản của người Việt
- 1.3. Khái quát về giao tiếp
  - 1.3.1. Khái niệm giao tiếp
  - 1.3.2. Các hình thức giao tiếp

- 1.3.3. Vai trò của giao tiếp
- 1.4. Môi quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trong giao tiếp
  - 1.4.1. Giao tiếp với văn hóa
  - 1.4.2. Văn hóa và giao tiếp

### **Chương 2: Giao tiếp bằng ngôn ngữ**

- 2.1. Khái niệm giao tiếp bằng ngôn ngữ
- 2.2. Các hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ
  - 2.2.1. Giao tiếp bằng hình thức nói
  - 2.2.2. Giao tiếp bằng hình thức viết
- 2.3. Vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ
  - 2.3.1. Vai trò của hình thức giao tiếp nói
  - 2.3.2. Vai trò của hình thức giao tiếp viết

### **Chương 3. Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt**

- 3.1. Các yếu tố cận lời và phi lời trong văn hóa giao tiếp của người Việt
  - 3.1.1. Các yếu tố cận lời
  - 3.1.2. Các yếu tố phi lời
- 3.2. Các yếu tố cơ bản của văn hóa chi phối giao tiếp của người Việt
  - 3.2.1. Yếu tố về tuổi
  - 3.2.2. Yếu tố về địa vị xã hội
  - 3.2.3. Yếu tố về giới tính

## **6. Lịch trình và hình thức tổ chức dạy học**

<b>Nội dung</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>				<b>Tổng</b>
	Lý thuyết, Bài tập	Thực hành – Thực	Thảo luận nhóm / lớp (Nếu có)	Tự học, tự nghiên cứu	

		tập			
Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp 1.5. Khái quát về ngôn ngữ 1.5.1. Khái niệm ngôn ngữ 1.5.2. Tính hệ thống của ngôn ngữ 1.5.3. Đặc điểm ngôn ngữ tiếng Việt	3	2	2	10	27
Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp (tiếp) 1.2. Khái quát về văn hóa 1.2.1. Khái niệm văn hóa 1.2.2. Tính hệ thống của văn hóa 1.2.3. Đặc trưng văn hóa cơ bản của người Việt	2	1	1	10	24
Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp (tiếp) 1,3. Khái quát về giao tiếp 1.3.1. Khái niệm giao tiếp 1.3.2. Các hình thức giao tiếp 1.3.3. Vai trò của giao tiếp	2	1	1	10	24
Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ	2	1	1	10	24

<p>ngữ, văn hóa và giao tiếp (tiếp)</p> <p>1.4.1. Giao tiếp với văn hóa</p> <p>1.4.2. Văn hóa và giao tiếp</p>					
<p>Chương 2: Giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.1. Khái niệm giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.2. Các hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.2.1. Giao tiếp bằng hình thức nói</p> <p>2.2.2. Giao tiếp bằng hình thức viết</p>	3	2	2	10	27
<p>Chương 2: Giao tiếp bằng ngôn ngữ (tiếp)</p> <p>2.3. Vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.3.1. Vai trò của hình thức giao tiếp nói</p> <p>2.3.2. Vai trò của hình thức giao tiếp viết</p>	2	1	1	10	24
<p>Chương 3. Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt</p> <p>3.1. Các yếu tố cận lời và phi lời trong văn hóa giao tiếp của người Việt</p>	2	2	2	15	21

3.1.1. Các yếu tố cận lời					
3.1.2. Các yếu tố phi lời					
Chương 3. Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt (tiếp)	2	2	2	15	21
3.2. Các yếu tố cơ bản của văn hóa chi phối giao tiếp của người Việt					
3.2.1. Yếu tố về tuổi					
3.2.2. Yếu tố về địa vị xã hội					
3.2.3. Yếu tố về giới tính					
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>90</b>	<b>132</b>

## **7. Học liệu**

### **7.1. Học liệu bắt buộc**

1. Phan Trọng Luận (2008), *Văn học nhà trường - nhận diện, tiếp cận, đòi hỏi mới*, NXB NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Phan Trọng Luận (2011), *Văn học nhà trường - những điểm nhìn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### **7.2. Học liệu tham khảo thêm**

1. Colin Rose, M. J. Nicholl (2008), *Kỹ năng học tập siêu tốc thế kỉ XXI*, NXB Tri thức, Hà Nội.

2. John Dewey (2008), *Dân chủ và Giáo dục*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.

3. Michael LGelb (2014), *Tư duy như Leonardo da Vinci*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.

4. Scott Thorpe (2012), *Tư duy như Einstein*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.

## **8. Hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### **8.1. Hình thức kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tỷ lệ: 30%**

- Mục đích: Đánh giá khả năng nắm bắt kiến thức và ý thức thái độ của học viên đối với môn học.

- Yêu cầu: Học viên tham gia đầy đủ các buổi học, chuẩn bị tốt các nội dung thảo luận, bài tập và tự học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp hoặc kiểm tra nhanh (15 phút)

- Điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Căn cứ vào số tiết học có mặt trên lớp/nhóm của học viên để giảng viên cho điểm chuyên cần:

Học viên tham gia:

+ 100% số tiết học của học phần đạt điểm 10;

+ 96 - 99% số tiết học của học phần đạt điểm 9;

+ 92 - 95% số tiết học của học phần đạt điểm 8;

+ 88 - 91% số tiết học của học phần đạt điểm 7;

### **8.2. Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ: Tỷ lệ 20%**

- Mục đích: Đánh giá năng lực khái quát, tổng hợp các nội dung đã học, kiểm tra kỹ năng nghiên cứu và xử lý vấn đề thuộc chuyên đề.

- Yêu cầu: Học viên chuẩn bị nội dung kiến thức đã học và tham dự đầy đủ.

- Hình thức: Viết bài tự luận hoặc làm tiểu luận.

- Điểm kiểm tra – đánh giá giữa kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Hình thức kiểm tra: cho học viên làm bài 1 tiết trên lớp hoặc viết thu hoạch.

- Yêu cầu thực hiện khi dạy – học được  $\frac{1}{2}$  số giờ của học phần theo quy định.

### **8.3. Kiểm tra đánh giá hết học phần: Tỷ lệ 50%**

- Mục đích: Đánh giá năng lực khái quát, tổng hợp các nội dung đã học, kiểm tra kỹ năng nghiên cứu và xử lý vấn đề thuộc môn học.

- Yêu cầu: Học viên chuẩn bị nội dung kiến thức đã học và tham dự đầy đủ.



- Hình thức: Viết bài tự luận hoặc làm tiểu luận

Điểm học phần: tính theo công thức:  $\text{ĐHP} = 0,3 \text{ TX} + 0,2 \text{ GK} + 0,5 \text{ ĐT}$ .

Trong đó: TX là điểm kiểm tra thường xuyên, GK là điểm kiểm tra giữa kỳ, ĐT là điểm thi cuối kỳ. Điểm số được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

**8.4. Lịch thi, kiểm tra** (Theo quy định)

*Phê duyệt ngày tháng 7 năm 2020*

**Phê duyệt của Trường      Trưởng khoa      Trưởng BM      Người biên  
soạn**

**Mai Văn Tùng      Vũ Thanh Hà      Hoàng Thị Mai**